

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱ⁾	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ít hơn 50% nhưng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 Công ty có 476 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 474 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	260.369.021	646.660.945
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.744.955.295	1.747.808.544
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	123.000.000.000	140.000.000.000
Cộng	<u>126.005.324.316</u>	<u>142.394.469.489</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Quý 1-2018</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	2.300.000	23.000.000.000	2.300.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	108.000	1.080.000.000	108.000	1.080.000.000
Cộng		<u>24.080.000.000</u>		<u>24.080.000.000</u>

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Cát Lái 23.000.000.000 VND (2.300.000 cổ phần) tương đương 57,50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

- (ii) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 1.080.000.000 VND tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con của Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
Công ty cung cấp dịch vụ	592.175.963	202.708.897
Công ty con cung cấp dịch vụ	12.612.188.572	6.407.043.400
Cổ tức nhận được từ Công ty con		
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Hiệp Lực		
Công ty cung cấp dịch vụ	266.155.383	498.422.200
Công ty con cung cấp dịch vụ	135.978.600	52.176.600
Cổ tức nhận được từ Công ty con		

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	57.260.126.354	50.024.911.378
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	54.987.082.417	47.466.552.279
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	27.278.350	78.546.900
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	803.855.500	1.283.906.150
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	486.413.584	209.865.947
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	352.686.620	352.686.620
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	134.670.000	55.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	8.217.400	32.940.300
Công ty Cổ phần Container lạnh Tân Cảng	514.338.182	514.338.182
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Vũng Tàu	5.500.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh		31.075.000
Phải thu các khách hàng khác	45.556.379.497	42.772.764.146
		45.556.379.497
Cộng	102.816.505.851	92.797.675.524

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Quý 1-2018	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	657.299.191	657.299.191
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	657.299.191	657.299.191
Trả trước cho các người bán khác	1.586.000.943	932.071.618
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Vận tải An Gia	1.000.000.000	800.000.000
Công ty TNHH A.D.A	66.856.000	68.616.000
Các nhà cung cấp khác	419.144.943	63.455.618
Cộng	2.243.300.134	1.589.370.809

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.136.301.920		652.564.393	
Tiền ăn ca, phí làm hàng phải thu Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	580.366.554		395.448.600	
Các khoản chi hộ:				
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	510.571.667		198.159.094	
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình			3.430.000	
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần			2.063.000	
- Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh			7.790.000	
- Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	41.078.699		41.388.699	
- Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	2.650.000		2.650.000	
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	1.635.000		1.635.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.834.615.315		6.374.179.159	
Phải thu tiền thuế TNCN quyết toán 2017	457.473.352			
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn			591.766.667	
Tạm ứng	3.206.047.133		2.834.759.485	
Ký cược, ký quỹ	250.000.000		250.000.000	
Các khoản chi hộ	2.921.094.830		2.697.653.007	
Cộng	7.970.917.235		7.026.743.552	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

6. Nợ xấu

	Số cuối Quý 1-2018		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Asian Groupage Servicors Việt Nam	3 năm	129.156.004	3 năm	129.156.004
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>		<u>129.156.004</u>		<u>129.156.004</u>
Cộng		<u>129.156.004</u>		<u>129.156.004</u>

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.780.226.253		2.055.346.544	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Quý 1-2018	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	197.493.856	278.063.893
Chi phí sửa chữa tài sản	411.852.397	629.301.496
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.592.175.396	2.667.640.549
Cộng	<u>2.201.521.649</u>	<u>3.575.005.938</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Quý 1-2018	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	996.040.671	1.048.906.211
Chi phí sửa chữa tài sản	3.520.963.961	5.202.376.165
Các chi phí trả trước dài hạn khác	800.516.159	531.406.191
Cộng	<u>5.317.520.791</u>	<u>6.782.688.567</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	141.379.997.649	163.468.448.584	107.660.842.761	4.870.426.199	45.830.816.041	463.210.531.234
Mua trong năm			1.896.290.910		122.085.454	2.018.376.364
Đầu tư XDCB hoàn thành						
Thanh lý, nhượng bán						
Phân loại lại						
Số cuối năm	141.379.997.649	163.468.448.584	109.557.133.671	4.870.426.199	45.952.901.495	465.228.907.598
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56.260.586.347	5.454.495.363	3.092.814.147	1.373.297.704	66.181.193.561
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	44.576.350.571	105.695.083.509	52.250.808.047	4.612.584.058	18.359.936.331	225.494.762.516
Khấu hao trong năm	2.625.597.329	3.344.752.382	3.853.045.982	76.147.414	2.175.470.238	12.075.013.345
Thanh lý, nhượng bán						
Phân loại lại						
Số cuối năm	47.201.947.900	109.039.835.891	56.103.854.029	4.688.731.472	20.535.406.569	237.569.775.861
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	96.803.647.078	57.773.365.075	55.410.034.714	257.842.141	27.470.879.710	237.715.768.718
Số cuối năm	94.178.049.749	54.428.612.693	53.453.279.642	181.694.727	25.417.494.926	227.659.131.737
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 172.986.898.753 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.698.631.800	(1.337.251.242)	2.361.380.558
Tăng do mua sắm trong năm			
Khấu hao trong Quý		(213.475.476)	(213.475.476)
Số cuối năm	3.698.631.800	(1.550.726.718)	2.147.905.082

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 92.395.000 VND

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong Quý</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong Quý</u>	<u>Số cuối Quý</u>
Mua sắm tài sản cố định				
Xây dựng cơ bản dở dang	3.653.566.801			3.653.566.801
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.398.465.181			2.398.465.181
Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	32.537.120			32.537.120
Phần mềm kho ngoại quan	1.222.564.500			1.222.564.500
Cộng	3.653.566.801			3.653.566.801

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	1.218.163.804	1.218.163.804
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(366.168.195)	(366.168.195)
Phát sinh trong năm	851.995.609	851.995.609
Hoàn nhập trong năm	(1.218.163.804)	(1.218.163.804)
Số cuối năm	851.995.609	851.995.609

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>35.585.972.592</i>	<i>37.447.175.628</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	21.658.881.157	21.140.183.630
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	88.612.260	90.572.460
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	8.463.350.535	6.818.144.014
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	402.447.767	548.117.005
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	861.000.580	1.004.351.590
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	466.317.134	2.004.572.450
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	120.893.000	238.910.900
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC		76.554.400
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	35.894.529	58.116.663
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	591.020.540	1.076.396.610
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.138.847.950	475.569.950
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	146.797.200	75.000.200
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	108.154.750	199.686.300
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	1.205.689.490	1.401.861.840
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	68.640.000	146.938.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	81.165.700	61.646.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	148.260.000	593.990.000
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng		1.436.563.416
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>14.997.278.814</i>	<i>20.237.149.559</i>
Cộng	<u>50.583.251.406</u>	<u>57.684.325.187</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh Quý 1-2018		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.379.143.848		13.699.373.908	13.453.285.456	2.625.232.300	
Thuế nhập khẩu						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.627.158.412		2.941.706.935	1.627.158.412	2.941.706.935	
Thuế thu nhập cá nhân	725.782.797		1.349.978.952	1.885.813.507	189.948.242	
Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000		
Cộng	4.732.085.057		17.994.059.795	16.969.257.375	5.756.887.477	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.708.534.676	21.386.915.834
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không hợp lý hợp lệ		
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền năm trước đã thực hiện trong năm nay		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu		
Chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn chứng từ		
Thu nhập chịu thuế	14.708.534.676	21.386.915.834
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)		
Thu nhập tính thuế	14.708.534.676	21.386.915.834
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.941.706.935	4.277.383.167
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.941.706.935	4.277.383.167

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		474.936.021
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.857.734.417	474.936.021
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		3.785.042.025
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	706.727.342	368.228.000
Chi phí thuê kho	615.354.000	16.667.000
Chi phí cho người lao động		3.102.560.000
Chi phí lãi vay	772.779.388	
Các chi phí khác	425.323.998	297.587.025
Cộng	8.377.919.145	4.259.978.046

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	731.520.830	735.341.367
Bảo hiểm xã hội	1.516.692.510	1.154.849.708
Bảo hiểm y tế	77.162.114	60.732.945
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	198.029.690	130.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.374.018.050	1.377.225.650
Tiền hoa hồng môi giới	5.249.475	161.053.761
Các khoản phải trả người lao động	54.565.196	113.841.344
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.378.126.204	2.347.207.388
Cộng	7.335.364.069	6.080.252.163

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.330.000	22.330.000
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	22.330.000

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú. (xem thuyết minh V.17b).

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.876.936.720	25.020.078.720
Số tiền vay phát sinh		
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	7.219.234.180	28.876.936.720
Số tiền vay đã trả	(7.219.234.180)	(25.020.078.720)
Số cuối năm	28.876.936.720	28.876.936.720

17b. Vay dài hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất từ 7,9% đến 9,2%. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHĐ ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Quý 1-2018	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	28.876.936.720	28.876.936.720
Trên 1 năm đến 5 năm	77.909.549.117	85.128.783.297
Trên 5 năm	9.879.725.610	9.879.725.610
Cộng	116.666.211.447	123.885.445.627

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú như sau:

	Quý 1-2018	Năm trước
Số đầu năm	95.008.508.907	104.947.135.127
Số tiền vay phát sinh		21.475.547.000
Số tiền vay đã trả		(2.537.236.500)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(7.219.234.180)	(28.876.936.720)
Số cuối năm	87.789.274.727	95.008.508.907

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.687.954.616	588.341.387	55.000.000	(1.379.100.000)	2.952.196.003
Quỹ phúc lợi	5.365.913.339	1.176.682.773		(2.890.827.500)	3.651.768.612
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	279.166.667				279.166.667
Cộng	9.333.034.622	1.765.024.160	55.000.000	(4.269.927.500)	6.883.131.282

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	32.497.387.700	86.443.794.906	268.923.762.606
Lợi nhuận trong năm trước			57.541.157.651	57.541.157.651
Trích lập các quỹ trong năm trước		5.754.115.765	(14.982.367.443)	(9.228.251.678)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	(26.996.864.400)
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	38.251.503.465	102.005.720.714	290.239.804.179
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	38.251.503.465	102.005.720.714	290.239.804.179
Lợi nhuận trong Quý 1-2018			11.766.827.741	11.766.827.741
Trích lập các quỹ trong Quý		1.176.682.773	(2.941.706.933)	(1.765.024.160)
Chia cổ tức				
Số dư cuối Quý 1-2018	149.982.580.000	39.428.186.238	110.830.841.522	300.241.607.760

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Quý 1-2018	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	
Cộng	149.982.580.000	100%	149.982.580.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.998.258	14.998.258
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong Quý 1-2018 Công ty đã phân phối lợi nhuận theo kế hoạch như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	: 1.176.682.773
• Trích quỹ khen thưởng (5%)	: 588.341.387
• Trích quỹ phúc lợi (10%)	: 1.176.682.773

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.051,24	50,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Dịch vụ bốc xếp	101.965.573.775	114.168.663.889
Doanh thu dịch vụ khác	33.303.727.050	13.087.038.598
Cộng	135.269.300.825	127.255.702.487

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	57.654.049.620	54.407.368.853
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	24.798.500	333.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	738.713.182	2.164.756.805
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	72.427.273	0
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	29.008.864	1.761.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu: không phát sinh		
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	109.517.753.005	95.637.377.781
Cộng	<u>109.517.753.005</u>	<u>95.637.377.781</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	953.889.265	807.847.438
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.435.125	4.055.313
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	62.313	
Cộng	<u>957.388.056</u>	<u>811.902.751</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Chi phí lãi vay	2.732.351.332	2.840.508.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		30.215.676
Cộng	<u>2.732.351.332</u>	<u>2.870.724.435</u>
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.705.210	344.748.519
Các chi phí khác	1.311.151.484	1.143.627.109
Cộng	<u>1.649.856.694</u>	<u>1.488.375.628</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Chi phí cho nhân viên	3.582.622.254	2.745.899.529
Chi phí vật liệu quản lý	172.509.592	124.355.038
Chi phí đồ dùng văn phòng	159.330.372	154.983.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	301.216.877	301.216.880
Thuế, phí và lệ phí	12.418.001	112.046.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.505.392.744	1.222.957.202
Các chi phí khác	1.678.720.203	2.002.869.313
Cộng	<u>7.412.210.043</u>	<u>6.664.328.349</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	144.737.725	56.338.818
Thu nhập khác	535.989	909.091
Cộng	<u>145.273.714</u>	<u>57.247.909</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Chi phí bồi thường tổn thất	135.691.027	8.000.000
Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	215.565.818	69.110.407
Chi phí khác		20.713
Cộng	<u>351.256.845</u>	<u>77.131.120</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty không phát sinh trong kỳ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 1-2018</u>	<u>Quý 1-2017</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.267.946.712	6.531.349.587
Chi phí nhân công	29.315.196.588	35.338.316.313
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.288.488.821	12.648.364.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.327.276.692	43.993.440.403
Chi phí khác	5.380.910.929	5.278.610.609
Cộng	<u>118.579.819.742</u>	<u>103.790.081.758</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 1-2018	Quý 1-2017
Tiền lương	488.687.578	319.039.321
Tiền thưởng	9.659.769	38.007.211
Cộng	498.347.347	357.046.532

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

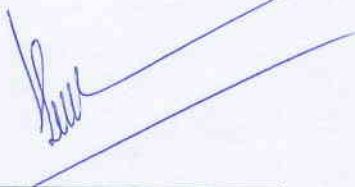
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asaco	Công ty cùng Tập đoàn

Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Trần Quang Thảo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/3/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		242.888.639.434	249.309.455.852
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	126.005.324.316	142.394.469.489
1.Tiền	111		3.005.324.316	2.394.469.489
2.Các khoản tương đương tiền	112		123.000.000.000	140.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1.Chứng khoán kinh doanh	121			
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.901.567.216	101.284.633.881
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	102.816.505.851	92.797.675.524
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.243.300.134	1.589.370.809
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.970.917.235	7.026.743.552
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(129.156.004)	(129.156.004)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV.Hàng tồn kho	140	V.7	1.780.226.253	2.055.346.544
1.Hàng tồn kho	141		1.780.226.253	2.055.346.544
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		2.201.521.649	3.575.005.938
1.Chí phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.201.521.649	3.575.005.938
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	-	
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5.Tài sản ngắn hạn khác	155			
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		263.710.120.020	275.445.400.253
I.Các khoản phải thu dài hạn	210			
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/3/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.Phải thu dài hạn khác	216			
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.Tài sản cố định	220		229.807.036.819	240.077.149.276
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	227.659.131.737	237.715.768.718
- Nguyên giá	222		465.228.907.598	463.210.531.234
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(237.569.775.861)	(225.494.762.516)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3.Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.147.905.082	2.361.380.558
- Nguyên giá	228		3.698.631.800	3.698.631.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.550.726.718)	(1.337.251.242)
III.Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV.Tài sản dở dang dài hạn	240		3.653.566.801	3.653.566.801
1.Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	3.653.566.801	3.653.566.801
V.Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.080.000.000	24.080.000.000
1.Đầu tư vào công ty con	251	V.13	24.080.000.000	24.080.000.000
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4.Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI.Tài sản dài hạn khác			6.169.516.400	7.634.684.176
1.Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	5.317.520.791	6.782.688.567
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	851.995.609	851.995.609
3.Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4.Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		506.598.759.454	524.754.856.105
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/3/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
1	2	3	5	4
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		206.357.151.694	234.515.051.926
I.Nợ ngắn hạn	310		118.545.546.967	139.484.213.019
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	50.583.251.406	57.684.325.187

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/3/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	111.804.000	130.735.817
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	5.756.887.477	4.732.085.057
4.Phải trả người lao động	314		10.620.252.868	28.386.865.407
5.Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	8.377.919.145	4.259.978.046
6.Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9.Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	7.335.364.069	6.080.252.163
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	28.876.936.720	28.876.936.720
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	6.883.131.282	9.333.034.622
13.Quỹ bình ổn giá	323			
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II.Nợ dài hạn	330		87.811.604.727	95.030.838.907
1.Phải trả người bán dài hạn	331			
2.Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3.Chi phí phải trả dài hạn	333			
4.Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5.Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7.Phải trả dài hạn khác	337		22.330.000	22.330.000
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	87.789.274.727	95.008.508.907
9.Trái phiếu chuyển đổi	339			
10.Cổ phiếu ưu đãi	340			
11.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12.Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		300.241.607.760	290.239.804.179
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.24	300.241.607.760	290.239.804.179
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		39.428.186.238	38.251.503.465
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/3/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.830.841.522	102.005.720.714
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		102.005.720.714	102.005.720.714
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421B		8.825.120.808	-
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác				
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		506.598.759.454	524.754.856.105

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ().

Ngày 25 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Trần Quang Thảo

CTY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã số thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 02 - DN*(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 1 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2018		Quý 1/2017		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			4	3	5	6	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	3	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	135.269.300.825	127.255.702.487	135.269.300.825	127.255.702.487	127.255.702.487	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		135.269.300.825	127.255.702.487	135.269.300.825	127.255.702.487	127.255.702.487	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	109.517.753.005	95.637.377.781	109.517.753.005	95.637.377.781	95.637.377.781	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.751.547.820	31.618.324.706	25.751.547.820	31.618.324.706	31.618.324.706	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	957.388.056	811.902.751	957.388.056	811.902.751	811.902.751	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.732.351.332	2.870.724.435	2.732.351.332	2.870.724.435	2.870.724.435	
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		2.732.351.332	2.840.508.759	2.732.351.332	2.840.508.759	2.840.508.759	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.649.856.694	1.488.375.628	1.649.856.694	1.488.375.628	1.488.375.628	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.412.210.043	6.664.328.349	7.412.210.043	6.664.328.349	6.664.328.349	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		14.914.517.807	21.406.799.045	14.914.517.807	21.406.799.045	21.406.799.045	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	145.273.714	57.247.909	145.273.714	57.247.909	57.247.909	
12. Chi phí khác	32	VI.8	351.256.845	77.131.120	351.256.845	77.131.120	77.131.120	
13. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(205.983.131)	(19.883.211)	(205.983.131)	(19.883.211)	(19.883.211)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		14.708.534.676	21.386.915.834	14.708.534.676	21.386.915.834	21.386.915.834	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.941.706.935	4.277.383.167	2.941.706.935	4.277.383.167	4.277.383.167	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-	-	-	-	-	

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2018		Quý 1/2017		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			4	11.766.827.741	5	17.109.532.667	Năm nay	Năm trước
1	2	3					6	7
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51-52)	60			11.766.827.741		17.109.532.667	11.766.827.741	17.109.532.667
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11						

Ngày 25 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng



Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Mã Số Thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 03 - DN(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1-2018	Quý 1-2017
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	14.708.534.676	21.386.915.834
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	12.288.488.821	12.648.364.846
-	Các khoản dự phòng	03		
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(62.313)	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(957.324.390)	(784.661.110)
-	Chi phí lãi vay	06	2.732.351.332	2.840.508.759
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
	<i>trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	28.771.988.126	36.091.128.329
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.963.004.010)	(22.896.794.610)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	275.120.291	64.451.501
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(21.963.468.472)	(7.855.180.622)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	853.016.936	(81.569.087)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(1.959.571.944)	(2.030.540.410)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.627.158.412)	(5.365.662.261)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	55.000.000	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	1.901.544.948	(3.193.100.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.656.532.537)	(5.267.267.160)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.059.484.606)	(21.808.369.619)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.549.091.057	1.310.783.332
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.510.393.549)	(20.497.586.287)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn	31		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.327.921.000

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1-2018	Quý 1-2017
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.219.234.180)	(6.255.019.680)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.047.220)	(829.860.220)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.222.281.400)	10.243.041.100
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(16.389.207.486)	(15.521.812.347)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	142.394.469.489	124.937.770.443
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	62.313	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	126.005.324.316	109.415.958.096

Ngày 25 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Trần Quang Thảo